

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 17-01-2025

Về việc tranh chấp phạt vi phạm
và bồi thường thiệt hại do vi
phạm hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nay Phen và bà Trịnh Thị Thanh Hồng.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia
Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/TLST-DS, ngày 02 tháng 7
năm 2024 về việc: Tranh chấp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm
hợp đồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 26
tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-DS ngày 24
tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Nông nghiệp A.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 561 T, phường C, thị xã A, tỉnh G.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng
quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Trần Đình V, sinh năm 1990; chức vụ: Phó Phòng phát triển nguyên
liệu (theo văn bản ủy quyền số: 09/2024/GUQ-AGRIS GIA LAI ngày 20/5/2024).

Có mặt

Địa chỉ: Tổ 5, phường S, thị xã A, tỉnh G.

2. Ông Sử Chấn Cao C, sinh năm 1993; chức vụ: Nhân viên Phòng pháp chế (theo văn bản ủy quyền số: 02/2025/GUQ-Agris Gia Lai ngày 16/01/2025). Có mặt

Địa chỉ: Số 62 T, phường 11, quận Ph, thành phố H.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện I, tỉnh G.

Bà L ủy quyền cho ông Đ (là chồng) tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2024). Ông Đ, bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN THẤY:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Công ty TNHH MTV T, nay được đổi tên thành Công ty cổ phần Nông nghiệp A (sau đây gọi tắt là công ty) đã ký các Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu với vợ chồng ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L, cụ thể:

1. Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu số 2023DT1088 ngày 29 tháng 11 năm 2022. Theo hợp đồng này ông Đ đăng ký nhận đầu tư trồng mới trên diện tích 2ha. Đến ngày 10/4/2023 các bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 1475 về việc ứng vốn đối với diện tích bổ sung là 1,9ha mía gốc 3.

2. Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu (mía gốc) số 2023DT2378 ngày 27 tháng 01 năm 2023. Theo hợp đồng này ông Đ đăng ký nhận đầu tư trên diện tích 2,6ha mía gốc 01.

Như vậy tổng diện tích ông Đ, bà L đăng ký nhận đầu tư với công ty là 6,5ha. Theo các điều khoản cam kết có trong các hợp đồng, hai bên đã thống nhất thỏa thuận, ràng buộc quyền, nghĩa vụ với nhau cụ thể như sau: Công ty sẽ tạm ứng vốn cho ông Đ, bà L để trồng và chăm sóc mía trên diện tích đã nhận đầu tư. Ông Điền, bà Loan có trách nhiệm bán toàn bộ sản lượng mía thu hoạch được trên toàn bộ diện tích theo hợp đồng cho công ty. Tiền mua mía sẽ được cân trừ vào tiền tạm ứng đầu tư (vốn, tiền lãi,...) cho công ty, giá trị dư ra sẽ được thanh toán cho ông Đ, bà L.

Vụ mùa đầu tư 2022-2023 (thu hoạch 2023-2024) ông Điền, bà Loan đã nhận đầu tư của công ty 2.000kg phân bón NPK tương ứng với số tiền 30.520.000 đồng và tiền mặt là 34.600.000 đồng, tổng cộng 65.120.000 đồng.

Giá mía nguyên liệu do công ty thông báo từ đầu vụ thu hoạch trên cơ sở cung cầu của thị trường và mặt bằng chung giữa các nhà máy. Giá mua mía nguyên liệu không cố định mà được điều chỉnh tăng theo từng giai đoạn thu hoạch,

cụ thể vụ thu hoạch 2023-2024 giá đầu vụ là 1.100.000 đồng/tấn mía nguyên liệu 10CCS và cuối vụ là 1.230.000 đồng/tấn mía nguyên liệu 10CCS.

Về sản lượng mía đã nhập về cho công ty và bán ra bên ngoài: Đến vụ thu hoạch theo lịch chặt của công ty, ông Điền, bà Loan đã đốn chặt mía trên diện tích 4,5ha (1,9ha + 2,6ha) và giao về cho công ty 326,1 tấn để khấu trừ vào số tiền gốc và lãi đã nhận đầu tư của công ty. Riêng toàn bộ sản lượng mía trồng mới trên diện tích 2ha, theo Phiếu điều tra nông nghiệp là 188 tấn ông Đ, bà L không giao về cho công ty mà bán cho bên thứ ba. Khi phát hiện ra hành vi vi phạm của ông Đ, bà L, công ty đã lập Biên bản làm việc, thông báo, yêu cầu ông Điền, bà Loan chấm dứt việc vi phạm hợp đồng (bán mía cho bên thứ ba) nhưng ông Điền, bà Loan vẫn cố tình vi phạm.

Hành vi bán mía thu hoạch được trên diện tích nhận ứng vốn đầu tư từ công ty cho bên thứ ba của ông Điền, bà Loan đã vi phạm điểm e, khoản 14.2.1 Điều 14 của hợp đồng đã ký kết, tạo tiền lệ xấu cho một số hộ dân khác làm theo, gây thiếu hụt sản lượng mía cho nhà máy và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho công ty.

Về xử lý vi phạm hợp đồng: Theo điểm b, khoản 14.2.2 Điều 14 của hợp đồng hai bên đã ký kết thể hiện: “Nếu bên B có hành vi quy định tại Điều 14.2.1 (e) thì bên B chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng 8% và bồi thường thiệt hại với mức cố định bằng 50% giá trị sản lượng mía bên B bán cho bên thứ ba. Sản lượng mía dùng để tính phạt và bồi thường thiệt hại là sản lượng mía ước tính trên mỗi ha quy định tại Điều 9.1 của Hợp đồng nhân với diện tích mía bên B vi phạm”.

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2024 Công ty cổ phần Nông nghiệp Agris Gia Lai yêu cầu: Buộc ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải thanh toán cho Công ty cổ phần nông nghiệp A tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng với tổng số tiền 119.944.000 đồng, trong đó tiền phạt vi phạm (8% giá trị sản lượng mía bán cho bên thứ ba) là 16.544.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại (50% giá trị sản lượng mía bán cho bên thứ ba) là 103.400.000 đồng. Buộc ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải thanh toán cho Công ty cổ phần nông nghiệp A tiền đầu tư vụ trồng 2023/2024 là 25.830.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty cổ phần Nông nghiệp A rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải thanh toán cho công ty tiền phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng là 12.144.000 đồng. Sản lượng mía được dùng để tính phạt vi phạm là 138 tấn, nhân với giá mía nguyên liệu thu mua tại ruộng tại thời điểm vi phạm hợp đồng là 1.100.000 đồng/tấn, nhân với tỷ lệ 8%. Công ty xin rút đối với các yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại với số tiền là 103.400.000 đồng và tiền đầu tư vụ

trồng 2023/2024 là 25.830.000 đồng, đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

** Tại Bản tự khai ngày 05/8/2024, Biên bản hòa giải ngày 13/9/2024 và ngày 19/11/2024 bị đơn ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L cùng trình bày:*

Ông Đ, bà L xác nhận vụ đầu tư mía 2022-2023 vợ chồng ông, bà có ký hợp đồng đầu tư trồng mía trên diện tích 6,5ha với Công ty cổ phần Nông nghiệp A (thường gọi là nhà máy đường Ayun Pa) như đại diện công ty trình bày là đúng. Tổng giá trị các khoản đầu tư ông, bà đã nhận từ nhà máy (phân và tiền mặt) là 65.120.000 đồng.

Đến khoảng tháng 11 năm 2023 nhà máy lên lịch đốn mía (lich chặt) có thông báo và gián tại Trạm nông vụ số 06 để bà con tham khảo, ý kiến. Khi thấy nhà máy xếp lịch chặt đối với 2ha mía tơ vào tháng thứ tư, ông Điền không đồng ý và có gọi điện thoại cho Trạm trưởng Trạm nông vụ số 06 để thoả thuận đổi lịch đốn mía lên tháng thứ ba nhưng không được chấp thuận. Đến ngày nhà máy chạy, theo lịch chặt của nhà máy vào tháng thứ nhất vợ chồng ông, bà đã đốn chặt mía trên diện tích 4,5ha nhập về cho nhà máy khoảng 313,19 tấn mía để trừ và thanh toán hết toàn bộ số tiền gốc và lãi đã nhận đầu tư trên 6,5ha là 70.121.026 đồng. Như vậy vợ chồng ông, bà không còn nợ tiền đầu tư của nhà máy nữa, do vậy ông, bà không thể chờ thời gian đốn mía trên diện tích mía tơ là 2ha theo lịch chặt vào tháng thứ tư nữa vì lúc này mía đã khô và chết. Do đó vợ chồng ông Điền đã chặt mía trên diện tích 2ha bán cho thương lái, khi ông Điền bán mía cho thương lái trạm mía cũng không có làm việc với ông Điền về việc thoả thuận đưa mía về nhà máy.

Quá trình giải quyết vụ án và tại Biên bản hòa giải ngày 19/11/2024 ông Lê Xuân Điền thừa nhận số lượng mía không nhập, giao về cho công ty là 188 tấn. Tuy nhiên ông Điền chỉ đồng ý phạt vi phạm hợp đồng trên sản lượng mía thực tế ông bán ra bên ngoài là 138 tấn, không chịu phạt vi phạm trên sản lượng mía 50 tấn ông Điền đã dùng để trồng mới trên diện tích 3,9ha của gia đình mình. Đối với số tiền đầu tư vụ trồng 2023/2024 là 25.830.000 đồng ông Điền đã thanh toán hết cho công ty, không còn nợ nữa.

Các đương sự không thống nhất thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó Tòa án nhân dân huyện Ia Pa quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình như không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải thanh toán cho Công ty cổ phần Nông nghiệp A số tiền phạt vi phạm là 12.144.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại với số tiền là 103.400.000 đồng và tiền đầu tư vụ trồng 2023/2024 là 25.830.000 đồng

Về án phí: Buộc ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 607.200 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.998.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty cổ phần Nông nghiệp A khởi kiện bị đơn ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L có địa chỉ tại Thôn 3, xã P, huyện I, tỉnh G yêu cầu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng nên quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xác định người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Tại Giấy uỷ quyền số: 09/2024/GUQ-AGRIS GIA LAI ngày 20/5/2024 nguyên đơn Công ty cổ phần Nông nghiệp A uỷ quyền cho ông Trần Đình V khi đó là Nhân viên công ty, làm đại diện tham gia tố tụng. Tại Giấy uỷ quyền số: 02/2025/GUQ-Agris Gia Lai ngày 16/01/2025, nguyên đơn tiếp tục uỷ quyền cho ông Sử Chấn Cao C là Nhân viên Phòng pháp chế của công ty làm đại diện tham gia tố tụng. Tuy nhiên, các nội dung trong văn bản uỷ quyền số: 02/2025/GUQ-

Agris Gia Lai ngày 16/01/2025 không có nội dung nào thay thế, huỷ bỏ việc uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số: 09/2024/GUQ-AGRIS GIA LAI ngày 20/5/2024. Do đó, Hội đồng xét xử xác định người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Đình V và ông Sử Chấn Cao C.

- Về việc triệu tập và xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2024 Công ty cổ phần Nông nghiệp A yêu cầu ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải thanh toán cho công ty tiền phạt do vi phạm hợp đồng 16.544.000 đồng; bồi thường thiệt hại số tiền 103.400.000 đồng và tiền đầu tư vụ trồng 2023/2024 là 25.830.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm: Công ty cổ phần Nông nghiệp A rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Điền, bà Loan phải thanh toán cho công ty tiền phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng là 12.144.000 đồng. Công ty xin rút đối với các yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại 103.400.000 đồng và tiền đầu tư vụ trồng 2023/2024 là 25.830.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về việc ký kết hợp đồng và vi phạm hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu; xác định sản lượng mía ông Đ, bà L không nhập, giao về cho công ty.

Quá trình giải quyết vụ án và tại Biên bản hoà giải ngày 19/11/2024 ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L đều thừa nhận có ký kết các Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu số 2023DT1088 ngày 29 tháng 11 năm 2022; Phụ lục hợp đồng số 1475 ngày 10/4/2023 và Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu (mía gốc) số 2023DT2378 ngày 27 tháng 01 năm 2023 với Công ty cổ phần Nông nghiệp A. Tổng giá trị các khoản đầu tư ông, bà đã nhận từ công ty (phân và tiền mặt) là 65.120.000 đồng. Ông Điền thừa nhận có vi phạm hợp đồng (bán mía cho thương lái) và thừa nhận số lượng mía vụ 2022-2023 ông Đ, bà L không nhập bán cho công ty là 188 tấn. Do đó đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy các Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Nông nghiệp A với

ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L là hợp pháp, các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 8% với số tiền 12.144.000 đồng:

Tại các Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu được ký kết giữa Công ty cổ phần Nông nghiệp A với ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L đều có các quy định trách nhiệm ràng buộc, xử lý vi phạm đối với các bên tham gia giao kết hợp đồng như sau:

Theo quy định tại điểm b mục 2.2 Điều 2 của hợp đồng quy định: “*Bên B (ông Điền, bà Loan) có trách nhiệm bán toàn bộ sản lượng mía thu hoạch được trên toàn bộ diện tích theo Hợp đồng cho Bên A (công ty). Trách nhiệm này phải được thực hiện trong suốt thời hạn hợp đồng không phân biệt Bên B có tiếp tục nhận ứng vốn hay không*”. Tại điểm e tiểu mục 14.2.1 mục 14.2 Điều 14 của hợp đồng quy định một trong các hành vi vi phạm hợp đồng của Bên B là: “*Bán mía thu hoạch được trên diện tích nhận ứng vốn từ Bên A cho bên thứ ba*”. Về xử lý vi phạm hợp đồng: Tại điểm b, tiểu mục 14.2.2 mục 14.2 Điều 14 của hợp đồng quy định việc xử lý vi phạm hợp đồng như sau: “*Nếu Bên B có hành vi quy định tại Điều 14.2.1(e), (f) thì Bên A có các quyền theo Điều 14.2.2(a).i,ii và Bên B chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng 8% và bồi thường thiệt hại với mức cố định bằng 50% giá trị sản lượng mía Bên B bán cho bên thứ ba. Sản lượng mía được dùng để tính phạt và bồi thường thiệt hại bằng năng suất mía ước tính trên mỗi ha quy định tại Điều 9.1 của Hợp đồng nhân với diện tích mía Bên B vi phạm*”.

Xét thấy, các điều khoản thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 418 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Điền, bà Loan thừa nhận đã có hành vi vi phạm hợp đồng là bán mía cho bên thứ ba nên việc công ty khởi kiện yêu cầu ông Điền, bà Loan phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với mức 8% theo thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác, mục đích công ty ký hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu với người dân trồng mía là để mua được mía nguyên liệu cho nhà máy hoạt động; thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại chỉ là biện pháp răn đe, phòng ngừa vi phạm hợp đồng; hành vi vi phạm hợp đồng của ông Điền, bà Loan đã được công ty thông báo, nhắc nhở nhưng vẫn cố tình vi phạm. Do đó, để nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc chấp hành, tuân thủ các điều khoản các bên đã ký kết, thỏa thuận, ràng buộc trong hợp đồng, không tạo tiền lệ xấu cho người dân khác khi đã nhận đầu tư của công ty sau đó lại đem bán mía nguyên liệu cho người khác, gây ảnh hưởng xấu đến môi

trường đầu tư kinh doanh nói chung và gây thiệt hại cho công ty nói riêng. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần Nông nghiệp Agris Gia Lai về việc yêu cầu ông Đ, bà L phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với mức 8% theo như hợp đồng hai bên đã ký kết.

Về sản lượng mía được dùng để tính phạt vi phạm:

Tại điểm b, tiểu mục 14.2.2 mục 14.2 Điều 14 của hợp đồng quy định: “*Sản lượng mía được dùng để tính phạt và bồi thường thiệt hại bằng năng suất mía ước tính trên mỗi ha quy định tại Điều 9.1 của Hợp đồng nhân với diện tích mía Bên B vi phạm*”. Tại điểm 9.1 Điều 9 của Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu số 2023DT1088 ngày 29 tháng 11 năm 2022 xác định: “...năng suất ước tính đối với mía tơ là 60 tấn/ha/vụ thu hoạch...”, như vậy theo hợp đồng thì sản lượng mía trên diện tích 2ha mía tơ được xác định là 120 tấn. Tuy nhiên, khi khởi kiện công ty lại căn cứ vào sản lượng mía theo Phiếu điều tra nông nghiệp là 188 tấn. Trong hợp đồng không có điều khoản nào quy định sản lượng mía được dùng để tính phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là sản lượng mía xác định theo Phiếu điều tra nông nghiệp hoặc sản lượng mía thực tế. Quá trình giải quyết vụ án ông Điền chỉ thừa nhận số lượng mía bán cho bên thứ ba là 138 tấn. Do đó, tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của công ty chỉ yêu cầu vợ chồng ông Điền phải chịu phạt vi phạm hợp đồng trên sản lượng mía đã thừa nhận bán cho bên thứ ba là 138 tấn là có căn cứ và phù hợp với sự thừa nhận của bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về giá mía để tính phạt vi phạm hợp đồng: Tại thời điểm ông Đ, bà L vi phạm hợp đồng, bán mía cho bên thứ ba (theo Biên bản về việc ghi nhận vi phạm hợp đồng và Thông báo về việc vi phạm hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu cùng ngày 09/01/2024) thì giá mía nguyên liệu thu mua tại ruộng là 1.100.000 đồng/tấn (Theo Thông báo về việc chính sách thu mua mía đầu tư-vụ thu hoạch 2023-2024, ngày 18/11/2023 của công ty). Do đó, công ty căn cứ vào mức giá mía thu mua là 1.100.000 đồng/tấn để tính phạt vi phạm hợp đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, số tiền phạt vi phạm hợp đồng được tính như sau:

$138 \text{ tấn} \times 1.100.000 \text{ đồng/tấn} \times 8\% = 12.144.000 \text{ đồng.}$

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Nông nghiệp A về việc yêu cầu ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 12.144.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L cho rằng ông, bà đã đôn chặt mía trên diện tích 4,5ha nhập về cho nhà máy khoảng 313,19 tấn để trừ hết toàn bộ số tiền gốc và lãi đã nhận đầu tư trên 6,5ha là 70.121.026 đồng nên không còn nợ tiền đầu tư của công ty nữa, do vậy ông, bà không còn ràng buộc với nhà máy và không thể chờ thời gian đôn mía trên diện

tích mía tơ là 2ha theo lịch chặt của nhà máy. Ông Đ, bà L cũng cho rằng việc dùng 50 tấn mía (trong tổng sản lượng 188 tấn không nhập về cho công ty) để đầu tư trồng mới trên diện tích 3,9 ha của gia đình mình là đúng thực tế, đúng quy định, do đó ông, bà không đồng ý với yêu cầu phạt vi phạm của công ty mà chỉ đồng ý chịu phạt vi phạm hợp đồng trên sản lượng mía thực tế đã bán cho thương lái là 138 tấn. Hội đồng xét xử xét thấy tất cả các ý kiến trình bày nêu trên của ông Đ, bà L đều không có căn cứ để chấp nhận, bởi vì: Theo quy định tại Điều 12 của hợp đồng quy định về việc thu hoạch mía như sau: “*Bên B phải có kế hoạch thu hoạch mía phù hợp với sản lượng và tiến độ trong lịch thu hoạch mà Bên A đã cung cấp.... Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được lịch thu hoạch từ Bên A, nếu Bên B bị ảnh hưởng bởi trở ngại khách quan (không phải sự kiện bất khả kháng) dẫn đến việc không thể thu hoạch và/hoặc giao mía đúng theo lịch thu hoạch mà Bên A đã giao, thì Bên B phải ngay lập tức thông báo cho Bên A biết, đồng thời Bên A sẽ quyết định điều chỉnh lịch thu hoạch cho phù hợp*”. Theo quy định tại điểm b mục 2.2 Điều 2 của hợp đồng quy định: “*Bên B có trách nhiệm bán toàn bộ sản lượng mía thu hoạch được trên toàn bộ diện tích theo hợp đồng cho bên A*”. Theo các quy định nêu trên thì việc xếp lịch thu hoạch mía là do công ty quyết định, nếu bị ảnh hưởng bởi trở ngại khách quan thì vợ chồng ông Điền phải kịp thời thông báo để công ty xem xét, quyết định điều chỉnh lịch thu hoạch cho phù hợp. Việc vợ chồng ông Điền tự ý thu hoạch mía trên diện tích 2ha không theo đúng lịch chặt của công ty mà không chứng minh được các trở ngại khách quan là đã vi phạm quy định này. Mặt khác, trong hợp đồng đã ký kết không có điều khoản nào quy định, cho phép Bên B được quyền giữ lại bất kỳ lại sản lượng mía nào (vì bất kỳ mục đích nào) trên diện tích đã nhận đầu tư của công ty, việc vợ chồng ông Điền tự ý giữ lại 50 tấn mía để trồng mới cho vụ mùa 2023-2024 trên diện tích 3,9ha của gia đình khi không được công ty đồng ý, cho phép bằng văn bản nên không có căn cứ để chấp nhận các ý kiến của bị đơn.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 607.200 đồng (12.144.000 đồng x 5% = 607.200 đồng). Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 607.200 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần Nông nghiệp A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.998.600 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003801 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 275, Điều 401, Điều 410, Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Nông nghiệp A đối với ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L về phạt vi phạm hợp đồng.

1. Buộc ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho Công ty cổ phần Nông nghiệp A số tiền phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng là 12.144.000 đồng (mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với câu khởi kiện của Công ty cổ phần Nông nghiệp A đối với ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L về bồi thường thiệt hại số tiền 103.400.000 đồng và tiền đầu tư vụ tròng 2023/2024 là 25.830.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 607.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần Nông nghiệp A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.998.600 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003801 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa (02 bản);
- THADS huyện IaPa;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nay Phen

Trịnh Thị Thanh Hồng

Lê Văn Thắng

